

Nội dung hướng dẫn giải Unit 12 Lesson 2 Global Success Kết nối tri thức trang 13 được chúng tôi biên soạn bám sát nội dung lý thuyết và bài tập bộ sách Tiếng Anh lớp 3 chương trình mới. Hy vọng đây sẽ là tài liệu tham khảo hữu ích giúp các em học tốt môn Tiếng Anh 3.

Tiếng Anh 3 KNTT Unit 12 Lesson 2

1. Look, listen and repeat.

(Nhìn, nghe và lặp lại.)



Bài nghe:

a. Is she a worker?

Yes, she is.

b. Is he a doctor?

No, he isn't. He's a nurse.

Dịch:

a. Cô ấy là công nhân phải không ?

Vâng, đúng.

b. Anh ấy là bác sĩ phải không?

Không, không phải. Anh ấy là y tá.

2. Listen, point and say.

(Nghe, chỉ và nói.)

Is he / she ___?

Yes, he / she is.

No, he / she isn't.

1 a cook / yes

a a farmer

b a nurse

2 a farmer / no

c a singer

d a cook

Bài nghe:

1.

2.

3. Let's talk.

(Hãy nói.)

**Phương pháp giải:**

- Is he / she ___? (Anh ấy / Cô ấy là ___ phải không?)

Yes, he / she is.

No, he / she isn't.

Bài nghe:

-Is she a cook? (Cô ấy là đầu bếp phải không?)

Yes, she is. (Vâng, đúng.)

-Is he a singer? (Anh ấy là ca sĩ phải không?)

Yes, he is. (Vâng, đúng.)

-Is she a nurse? (Cô ấy là y tá phải không?)

No, she isn't. (Không, không phải.)

-Is he a farmer? (Anh ấy là nông dân phải không?)

Yes, he is. (*Vâng, đúng.*)

4. Listen and number.

(*Nghe và đánh số.*)



Bài nghe:

Lời giải chi tiết:

a.

b.

c.

d.

5. Look, complete and read.

(*Nhìn, hoàn thành và đọc.*)

1. A: Is she a _____?

B: Yes, _____.



2. A: Is your father a driver?

B: _____, _____.



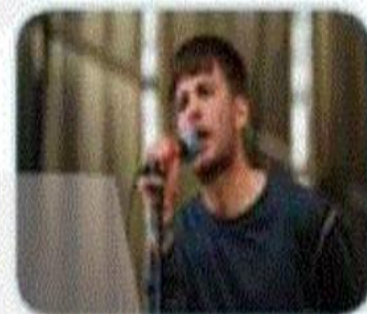
3. A: Is your mother a cook?

B: _____, _____.



4. A: Is your brother a _____?

B: Yes, _____.

**Lời giải chi tiết:**

1. A: Is she a **doctor**?

B: Yes, **she is**.

2. A: Is your father a driver?

B: **No, he isn't.**

3. A: Is your mother a cook?

B: **Yes, she is.**

4. A: Is your brother a **singer**?

B: Yes, **he is.**

Dịch:

1. A: *Cô ấy là bác sĩ phải không?*

B: *Vâng, đúng.*

2. A: *Bố của bạn là tài xế phải không?*

B: *Không, không phải..*

3. A: *Mẹ bạn là đầu bếp phải không?*

B: *Vâng, đúng.*

4. A: *Anh ấy là ca sĩ phải không?*

B: *Vâng, đúng.*

6. Let's play.

(Hãy chơi.)



Slap for “Yes” (Trò chơi: Vỗ tay nếu đúng)

Cách chơi: Giáo viên sẽ giơ bất kì tấm thẻ nào có chứa hình ảnh về một nghề nghiệp. Giáo viên sẽ đặt câu hỏi yes-no question “Is he/she ___?”. Nếu đúng học sinh sẽ vỗ tay và nói “Yes, ___”, sai thì không cần vỗ.

Ví dụ, cô cầm thẻ và hỏi: “Is he a driver?”, học sinh sẽ vỗ tay và nói: “Yes, he is.”